

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 06/10    | 1 ngày | 1T  | 3T   | YTD  |
|-------------------|----------|--------|-----|------|------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,695.50 | 3.0    | 1.7 | 22.2 | 33.8 |
| GTGD (tỷ đồng)    | 32,317   |        |     |      |      |
| VN30 (điểm, %)    | 1,918.97 | 3.2    | 4.0 | 28.9 | 42.7 |

## Các chỉ số

|                          | 06/10       | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD     |
|--------------------------|-------------|--------|--------|--------|---------|
| TPCP 1 năm (% , đcb)     | 2.07        | 0.82   | (0.36) | 0.92   | 0.54    |
| TPCP 3 năm (% , đcb)     | 2.30        | 0.40   | 0.43   | 0.84   | 1.63    |
| USD/VND (%)              | 26,368.00   | 0.03   | 0.16   | (0.83) | (3.35)  |
| JPY/VND (%)              | 175.31      | 2.03   | 1.93   | 2.56   | (7.31)  |
| EUR/VND (%)              | 30,757.00   | 0.69   | 0.67   | (0.30) | (13.71) |
| CNY/VND (%)              | 3,702.74    | 0.04   | 0.03   | (1.57) | (5.71)  |
|                          | Phiên trước | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD     |
| TPKB Mỹ 10 năm (% , đcb) | 4.16        | 0.99   | 2.10   | (4.28) | (8.96)  |
| WTI (USD/thùng, %)       | 62.08       | 1.97   | 0.34   | (7.34) | (13.44) |
| Vàng (USD/oz, %)         | 3,940.50    | 1.39   | 8.94   | 19.33  | 50.87   |

## Giao dịch NĐT tổ chức trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| HDB      | 176.0     | VIX      | (172.8)   |
| MSN      | 136.5     | HPG      | (161.5)   |
| VIC      | 126.1     | SHB      | (118.7)   |
| MBB      | 120.9     | VCB      | (98.4)    |
| MWG      | 108.5     | SSI      | (76.8)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| HPG      | 147.7     | MWG      | (310.8)   |
| VIX      | 147.6     | MBB      | (278.8)   |
| ACB      | 46.1      | FPT      | (266.3)   |
| GEX      | 43.8      | STB      | (211.9)   |
| BSR      | 29.8      | VRE      | (196.4)   |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng   | %    | Top 5 ngành giảm     | %    |
|--------------------|------|----------------------|------|
| F&B                | 6.66 | Phần cứng & thiết bị | 0.29 |
| Phần mềm & dịch vụ | 4.38 | Ô tô & phụ tùng      | 0.76 |
| Ngân hàng          | 3.52 | Hàng không thiết yếu | 1.16 |
| Năng lượng         | 3.51 | Tài chính đa dạng    | 1.23 |
| Khác               | 3.05 | Dịch vụ tiêu dùng    | 1.27 |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Sắc xanh lan tỏa

### Vĩ mô & Chiến lược

- Chứng quyền có bảo đảm:** Thanh khoản gia tăng

### Lịch sự kiện

## Ước tính tổng lợi nhuận doanh nghiệp các cổ phiếu trong VN30

|      | LNHĐ LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(Tỷ đồng) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | EV/EBITDA<br>(x) | ROE<br>(%) |
|------|---------------------------|-----------------------|-----------|-----------|------------------|------------|
| 2022 | 2,063                     | 277                   | 116.6     | 9.8       | 1.6              | 1.4        |
| 2023 | 2,334                     | 277                   | 102.0     | 11.7      | 1.6              | 1.3        |
| 2024 | 1,231                     | 334                   | 123.1     | 11.7      | 1.6              | 1.5        |
| 2025 | 1,228                     | 380                   | 135.6     | 13.5      | 2.0              | 1.9        |

## Các chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 4Q23   | 1Q24   | 2Q24   | 3Q24   | 4Q24   | 1Q25   | 2Q25   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 6.7    | 5.7    | 6.9    | 7.4    | 7.6    | 7.1    | 8.0    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 5.4    | 8.1    | 4.2    | 8.9    | 4.0    | 3.2    | 4.4    |
| CPI (% n/n, TB)             | 0.4    | 3.8    | 4.4    | 3.5    | 2.9    | 3.2    | 3.3    |
| Tín dụng (%)                | 13.5   | 12.5   | 15.3   | 16.1   | 13.8   | 16.3   | 17.5   |
| USD/VND (tb)                | 24,379 | 24,786 | 25,458 | 24,093 | 25,386 | 25,565 | 26,121 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 3.3    | 1.6    | 1.9    | 2.8    | 2.5    | (0.3)  | 2.2    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 5.2    | 4.9    | 4.7    | 4.6    | 4.8    | 5.4    | 5.2    |

Nguồn: KIS, Bloomberg

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Sắc xanh lan tỏa

Thị trường có sự tích cực khi sắc xanh ở đầu phiên lan tỏa sang hầu hết các nhóm ngành, giúp chỉ số gia tăng mạnh. Bên cạnh đó, nhóm Chứng khoán ghi nhận sự nổi bật với nhiều mã cổ phiếu tăng trần.

Kết phiên, VNIndex tăng 3.02%, đóng cửa ở ngưỡng 1,695 điểm. Trong khi đó, VN30Index tăng 3.20%, đóng cửa tại 1,918 điểm. Khối lượng và giá trị giao dịch trong phiên đạt 1,089 triệu cổ phiếu/32,317 tỷ đồng, tăng lần lượt 22%/26% so với trung bình của năm phiên giao dịch trước đó.

Khối ngoại bán ròng, với hơn 1,858 tỷ đồng, ở các mã MWG, MBB và FPT với giá trị lần lượt là 310 tỷ đồng, 278 tỷ đồng và 266 tỷ đồng. Ngược lại, họ tập trung mua các mã HPG, VIX và ACB với giá trị lần lượt là 147 tỷ đồng, 147 tỷ đồng và 46 tỷ đồng.

Chứng khoán có tỷ suất sinh lời tốt, bao gồm SHS (+9.88%), VCI (+6.97%), SSI (+6.91%), HCM (+6.91%), VIX (+6.90%) và VND (+6.82%).

Ngân hàng ghi nhận tăng điểm, ở VPB (+6.95%), TPB (+6.15%), STB (+4.91%), ACB (+4.48%), HDB (+4.30%), SHB (+4.19%), VIB (+4.05%), VCB (+3.73%), SSB (+3.68%), CTG (+3.15%), MBB (+3.01%), TCB (+2.74%) và BID (+2.39%).

Bất động sản đóng cửa trong sắc xanh, nhờ DIG (+6.98%), PDR (+6.94%), VRE (+6.87%), KBC (+3.90%), VHM (+2.70%), VIC (+1.81%) và BCM (+0.75%).

Bên cạnh đó, dòng vốn đổ vào các cổ phiếu vốn hóa lớn như HPG (+5.61%), VJC (+3.87%), MSN (+3.75%), GVR (+3.18%), FPT (+2.25%), PLX (+2.09%), VNM (+1.79%), DGC (+1.42%), SAB (+1.32%), GAS (+1.16%) và MWG (+0.78%).

Thị trường đã có sự bứt phá khi tăng điểm mạnh trở lại, cùng với sự cải thiện của thanh khoản, cho thấy tín hiệu tích cực dần quay trở lại. Diễn biến này hàm ý lực cầu đang có sự nhập cuộc rõ rệt hơn, qua đó mở ra kỳ vọng về một nhịp hồi phục bền vững. Do vậy, nhà đầu tư có thể mở một phần vị thế trong danh mục đầu tư của mình.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Chứng quyền có bảo đảm

#### Thanh khoản gia tăng

Trong tuần 40, thanh khoản trên thị trường ghi nhận gia tăng trở lại. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 257.5 triệu chứng quyền/631.1 tỷ đồng, tăng lần lượt 15.4%/28.7% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, HPG và STB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 35% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như VPB, MWG, MSN, VHM và TCB.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CTCB2504 (+227.8%), CMWG2504 (+221.2%) và CHPG2510 (+162.8%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CVHM2503 (-97.7%), CVRE2503 (-93.2%), CCMBB2504 (-79.1%).

Trong tuần vừa qua, thị trường chứng quyền đã có sự cải thiện rõ nét khi thanh khoản đảo chiều gia tăng trở lại sau giai đoạn sụt giảm trước đó. Bên cạnh đó, số lượng chứng quyền tăng giá tiếp tục chiếm ưu thế, cho thấy dòng tiền đang dần quay lại và vẫn giữ xu hướng chọn lọc vào các mã tiềm năng. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVIC2507, CVIC2508 và CVHM2515. Ở hướng ngược lại, các mã như CVIC2514, CVHM2520 và CVRE2521 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 282 mã chứng quyền được định giá.

Lịch sự kiện

► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                    | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|-------------------------------------|-----------------|---------|
| 07/10/2025 | 16/10/2025     | PPS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (980/cp)   | 9.80%           | 980     |
| 07/10/2025 | 24/10/2025     | ADP | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (700/cp)   | 7.00%           | 700     |
| 07/10/2025 | 28/10/2025     | SLS | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (15000/cp) | 150.00%         | 15000   |
| 07/10/2025 | 23/10/2025     | SNZ | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1300/cp)  | 13.00%          | 1300    |
| 07/10/2025 | 31/10/2025     | MKV | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 07/10/2025 | 23/10/2025     | TLP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (151/cp)   | 1.51%           | 151     |
| 07/10/2025 | 22/10/2025     | VGX | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%           | 800     |
| 07/10/2025 | 03/11/2025     | KSQ | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 07/10/2025 | 07/10/2025     | ASM | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 10.00%          |         |
| 07/10/2025 | 15/10/2025     | WTC | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1030/cp)  | 10.30%          | 1030    |
| 08/10/2025 | 10/11/2025     | GVR | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 08/10/2025 |                | VIX | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 08/10/2025 |                | ATG | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 08/10/2025 |                | VOS | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 08/10/2025 | 07/11/2025     | CTX | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 08/10/2025 | 12/11/2025     | TNS | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 09/10/2025 | 09/10/2025     | DIG | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 23.20%          |         |
| 09/10/2025 |                | CKA | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 09/10/2025 | 23/10/2025     | TMS | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 09/10/2025 |                | VCW | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 09/10/2025 | 09/10/2025     | SHA | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 5.00%           |         |
| 09/10/2025 | 21/10/2025     | MGG | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1500/cp)  | 15.00%          | 1500    |
| 09/10/2025 | 31/10/2025     | UPC | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 09/10/2025 | 23/10/2025     | TV4 | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 09/10/2025 | 28/10/2025     | LMI | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%           | 800     |
| 09/10/2025 | 07/11/2025     | VCI | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 09/10/2025 | 29/10/2025     | DNC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 09/10/2025 |                | FHH | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 10/10/2025 | 03/11/2025     | BCP | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |

|            |            |     |       |                                      |       |     |
|------------|------------|-----|-------|--------------------------------------|-------|-----|
| 10/10/2025 | 10/11/2025 | MGR | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng<br>văn bản   |       |     |
| 10/10/2025 | 27/10/2025 | TKA | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt<br>(800/cp) | 8.00% | 800 |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.